TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST
Ngày: 09-06-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoành

Ông Nguyễn Tấn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Quốc T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Toàn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy ủy quyền ngày 29 tháng 07 năm 2020).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Phượng A, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Trịnh Văn Út N, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-08-2020 và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn U trình bày như sau:

Vào năm 2016 ông Võ Quốc T cho vợ chồng ông Trịnh Văn Út N và bà Nguyễn Thị Phượng A vay số tiền 53.000.000 đồng, thỏa thuận khi nào cần thiết ông sẽ lấy, đến ngày 06-03-2017 bà A viết biên nhận nợ 53.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng hẹn đến ngày 20-09-2017 trả đủ nhưng đến nay bà A và ông N vẫn không trả vốn lẫn lãi.

Ông Võ Quốc T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn Út N và bà Nguyễn Thị Phượng A trả số tiền 53.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 06-03-2017 đến ngày xét xử mức lãi suất 1,66%/tháng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn U đại diện nguyên đơn thay đổi thời gian tính lãi yêu cầu ông Trịnh Văn Út N và bà Nguyễn Thị Phượng A trả số tiền 53.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 20-09-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm mức lãi suất 1,66%/tháng, không đồng ý cho bị đơn trả nhiều lần.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phượng A có lời khai ngày 18-05-2021 trình bày:

Bà A thừa nhận vào năm 2013 bà có vay của ông Võ Quốc T số tiền là 103.000.000 đồng để xây nhà ở, lãi suất là 3%/tháng, sau khi vay bà có đóng lãi và trả vốn được 50.000.000 đồng, việc trả lãi không có giấy tờ chỉ thỏa thuận miệng ,sau đó đến năm 2017 ông T có yêu cầu bà ký nhận nợ số tiền 53.000.000 đồng, do khó khăn nên bà mới đi làm thuê và ngưng đóng lãi cho đến nay. Mục đích vay tiền để xây nhà ở gia đình.

Bà đồng ý cùng ông N trả cho ông T số tiền 53.000.000 đồng, còn tiền lãi bà xin do gia đình khó khăn, riêng tiền lãi trả trước đây bà không có yêu cầu gì, tiền vốn yêu cầu trả dần trong 05 năm đủ nợ.

Bị đơn ông Trịnh Văn Út N có lời khai ngày 11-05-2021 trình bày:

Ông đồng ý bà A có vay tiền của ông Võ Quốc T 53.000.000 đồng, đó là nợ của bà A, ông không đồng ý trả cho ông T vì hiện nay ông và bà A đã ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định, riêng bà A và ông N chưa thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, buộc bà A và ông N liên đới trả số tiền là 53.000.000 đồng và tiền lãi mức 1,66%/ tháng tính từ ngày 20-09-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm vì tiền vay trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời bà A trình bày vay tiền xây dựng nhà ở cho gia đình, về án phí buộc bà A và ông N liên đới chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông N và bà A được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông N và bà A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả tiền vay 53.000.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Phượng A và ông Trịnh Văn Út N thừa nhận hiện nay còn nợ 53.000.000 đồng, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị đơn bà A yêu cầu trả dần trong 05 năm đủ nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà A trả số tiền vay 53.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn ông N cùng bà A liên đới trả tiền vay 53.000.000 đồng, nhưng ông N cho rằng nợ riêng của bà A nên không đồng ý, tuy nhiên bà A trình bày số tiền vay 53.000.000 đồng là để xây dựng nhà ở của vợ chồng, yêu cầu ông N cùng trả nợ, theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: *"Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*, đối chiếu với quy định trên việc bà A vay tiền làm nhà ở nhằm mục đích sinh hoạt đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, do đó ông N và bà A là vợ chồng nên ông N cùng có nghĩa vụ chịu trách nhiệm số nợ trên là phù hợp quy định của pháp luật. Nên nguyên đơn ông To yêu cầu ông N và bà A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 53.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với tiền lãi hai bên trình bày việc vay có thỏa thuận về lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi là có cơ sở, còn bị đơn bà A xin không phải trả lãi vì gia đình khó khăn nhưng không được nguyên đơn đồng ý, nên tiền lãi được tính như sau: Thời gian tính lãi từ ngày 20-9-2017 đến ngày xét xử 09-06-2021 là 44 tháng 19 ngày x 1,66% x 53.000.000 đồng = 39.268.194 đồng, như vậy bà A và ông N có nghĩa vụ trả lãi 39.268.194 đồng là phù hợp.

[2.4] Như vậy tổng vốn và lãi các bị đơn bà A và ông N trả cho nguyên đơn là 92.268.194 đồng.

[3] Về thời gian trả nợ do nguyên đơn ông Toàn và các bị đơn không thỏa thuận được Hội đồng xét xử không xem xét, đến giai đoạn thi hành án do cơ quan thi hành án dân sự xem xét theo thẩm quyền.

[4] Nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà A và ông N phải chịu án phí 5% trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Từ phân tích nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quốc T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Phượng A, ông Trịnh Văn Út N.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phượng A và ông Trịnh Văn Út N có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Võ Quốc T số tiền 92.268.194 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn một trăm chín mươi bốn đồng), gồm tiền vốn 53.000.000 đồng và lãi 39.268.194 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phượng A, ông Trịnh Văn Út N liên đới phải chịu tiền án phí là 4.613.409 đồng (bốn triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm lẽ chín đồng).

Nguyên đơn ông Võ Quốc T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.226.000 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003329 ngày 04-11-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bà Nguyễn Thị Phượng Anh, ông Trịnh Văn Út Nhỏ vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Nam